

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;  
Căn cứ vào các điều 299, 318, 319, 320, 322, 323, 463 và Điều 466 Bộ  
luật Dân sự; Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng.

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày  
30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội mức thu, miễn, giảm, thu, nộp,  
quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 10 tháng 6 năm 2024 về việc các  
đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự  
thụ lý số 01/2024/TLST-KDTM ngày 19 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp  
hợp đồng tín dụng”.

**XÉT THẤY:**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành  
về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các  
đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có  
đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:**

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S (S1).

Địa chỉ: 2 N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng  
Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Xuân H, chức vụ: Trưởng phòng  
Phòng Giao dịch Y.

Người được ủy quyền lại: Ông Trịnh Văn M, chức vụ: Phó Trưởng phòng  
Phòng G, địa chỉ: Khu B, thị trấn Q, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Công ty TNHH X.

Địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn T, sinh năm: 1988, chức vụ:  
Giám đốc, địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa.

**2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

### **2.1. Về số tiền nợ gốc và lãi:**

- *Khoản vay thứ nhất:* Ngày 21/01/2021, Công ty TNHH X ký Hợp đồng tín dụng số 202125968317 vay của Ngân hàng TMCP S số tiền 780.000.000 đồng (*Bảy trăm tám mươi triệu đồng*). Sau khi vay tiền, Công ty TNHH X đã trả được số tiền nợ gốc là 601.250.000 đồng và tiền lãi đến ngày 25/02/2024, vi phạm nghĩa vụ trả nợ kể từ kỳ trả nợ ngày 25/3/2024. Công ty TNHH X còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là 178.750.000 đồng, nợ lãi đến ngày 10/6/2024: 5.648.858 đồng, tổng gốc và lãi là 184.398.858 đồng (*Một trăm tám mươi tư triệu ba trăm chín mươi tám nghìn tám trăm năm mươi tám đồng*).

- *Khoản vay thứ hai:* Ngày 01/03/2021, Công ty TNHH X ký Hợp đồng phát hành thẻ tín dụng quốc tế doanh nghiệp với Ngân hàng TMCP S, hạn mức tín dụng chủ thẻ được cấp là 70.000.000 đồng. Dư nợ thẻ tín dụng của Công ty TNHH X đã phát sinh quá hạn thanh toán từ ngày 04/4/2024, với số nợ gốc là 72.505.204 đồng, nợ lãi đến ngày 10/6/2024 là 4.781.855 đồng, tổng gốc và lãi là 77.287.059 đồng (*Bảy mươi bảy triệu hai trăm tám mươi bảy nghìn không trăm năm mươi chín đồng*).

Công ty TNHH X thừa nhận còn nợ Ngân hàng TMCP S tổng số tiền nợ gốc và lãi của hai khoản vay là 261.685.917 đồng (*Hai trăm sáu mươi một triệu sáu trăm tám mươi lăm nghìn chín trăm mười bảy đồng*).

### **2.2. Về nghĩa vụ trả nợ:**

Các đương sự thỏa thuận:

Công ty TNHH X có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền nợ gốc và lãi của hai khoản vay là 261.685.917 đồng (*Hai trăm sáu mươi một triệu sáu trăm tám mươi lăm nghìn chín trăm mười bảy nghìn đồng*) và tiền lãi phát sinh từ ngày 11/6/2024 cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng phát hành thẻ tín dụng quốc tế doanh nghiệp.

Thời hạn trả nợ: Chậm nhất là ngày 20/6/2024.

### **2.3. Về xử lý vi phạm:**

Các đương sự thỏa thuận: Trường hợp Công ty TNHH X không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ, không đúng thời hạn như đã cam kết nêu trên, thì Ngân hàng TMCP S có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp là 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, số loại: FORTUNER, màu sơn: đen, số chỗ ngồi 7, số máy: 2GD0930280, số khung: RL4JB3GS4M2531298, biển kiểm soát: 36A-603.24, đăng ký xe ô tô số 36001203 do Phòng C Công an tỉnh T cấp cho Công ty TNHH X ngày 18/01/2021, theo Hợp đồng thế chấp số 202125968317/HĐTC ngày 21/01/2021, để thanh toán toàn bộ khoản nợ còn lại của Công ty đối với Ngân hàng, bao gồm cả nợ gốc, lãi, phí phát sinh.

### **2.4. Về án phí:**

Các đương sự thỏa thuận: Công ty TNHH X phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 6.542.100 đồng (*Sáu triệu năm trăm bốn mươi hai nghìn một trăm đồng*).

Trả lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.758.000 đồng (*Sáu triệu bảy trăm năm mươi tám nghìn đồng*), theo biên lai thu số 0003513 ngày 11/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Định.

3. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về phần yêu cầu bị đơn trả số nợ lãi là 8.607.666 đồng, do nguyên đơn rút phần yêu cầu này.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Yên Định;
- Chi cục THADS huyện Yên Định;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Lê Thị Dung**